

CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu rõ cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ và mối quan hệ về cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.

– Thông qua bài học, rèn luyện tư duy trong việc nhận thức mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Ở lớp 7, HS đã học về hai mối quan hệ về nghĩa của từ : quan hệ đồng nghĩa và quan hệ trái nghĩa. Ở lớp 8, bài học này nói về một mối quan hệ khác về nghĩa của từ ngữ, đó là mối quan hệ bao hàm. Nói đến mối quan hệ bao hàm tức là nói đến phạm vi khái quát của nghĩa của từ. Nghĩa của từ bao giờ cũng là sự khái quát những đặc điểm, những nét chung của sự vật, hiện tượng và loại bỏ những nét ngẫu nhiên, phi bản chất của sự vật, hiện tượng đó. Như từ *gà* chẳng hạn, chỉ loài gà nói chung, còn kích thước to nhỏ, màu sắc trắng hay đen,... thì không được tính đến trong nghĩa của từ. Nói một cách khác, nghĩa của từ không chỉ một sự vật, hiện tượng cụ thể với tất cả mọi dáng vẻ của nó mà chỉ sự vật, hiện tượng khái quát hoá.

Nghĩa của từ có tính chất khái quát nhưng trong một ngôn ngữ, phạm vi khái quát nghĩa của từ không giống nhau. Có những từ có phạm vi khái quát rộng, có những từ có phạm vi khái quát hẹp hơn.

Để khỏi sa vào chuyện phân biệt từ và ngữ, đi chệch trọng tâm của bài học, SGK chọn giải pháp gọi chung các đơn vị được phân tích là "từ ngữ" – "từ ngữ nghĩa rộng", "từ ngữ nghĩa hẹp".

Từ ngữ nghĩa rộng có phạm vi nghĩa bao hàm phạm vi nghĩa của nhiều từ ngữ khác. Từ ngữ nghĩa hẹp có phạm vi nghĩa được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác. Sơ đồ trong SGK là một ví dụ cụ thể về mối quan hệ bao hàm về cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ. Qua sơ đồ cũng có thể thấy rằng tính chất rộng hẹp của nghĩa từ ngữ chỉ là tương đối. Một từ ngữ có nghĩa rộng so với một số từ ngữ nào đó, đồng thời lại là từ ngữ có nghĩa hẹp so với một từ ngữ khác.

2. Trên đây là nói về mối quan hệ bao hàm về nghĩa giữa từ ngữ với từ ngữ. Ngoài ra cũng có trường hợp một từ ngữ vừa có nghĩa rộng vừa có nghĩa hẹp. Như từ *học sinh* chẳng hạn. *Học sinh* với nghĩa rộng có nghĩa là "người theo học

ở nhà trường", như vậy, học sinh phổ thông hay học sinh cao đẳng, đại học đều là học sinh. Nhưng có khi từ *học sinh* được dùng với nghĩa hẹp chỉ "những người theo học ở bậc phổ thông", còn người học ở các trường cao đẳng, đại học thì gọi là *sinh viên*. Chính vì sự thu hẹp nghĩa đó mà ta có cách nói "phong trào học sinh, sinh viên". Từ *trà* vốn có nghĩa là "búp hoặc lá cây chè đã sao, đã chế biến, để pha nước uống". Nhưng gần đây nghĩa của từ *trà* đã được mở rộng bao gồm cả những loại thức uống khác : *trà khố qua, trà ác-ti-sô,...*

3. Bài học này có nhiều tác dụng trong việc rèn luyện tư duy cho HS bởi vì mối quan hệ bao hàm về nghĩa giữa các từ ngữ có quan hệ chặt chẽ với mối quan hệ bao hàm giữa các khái niệm. Bài học giúp HS dần dần làm quen với thao tác khái quát để nhận ra cái chung và thao tác biệt loại để nhận ra cái riêng của sự vật. Có nhận thức được cái chung và cái riêng của sự vật thì tư duy mới rành mạch, rõ ràng.

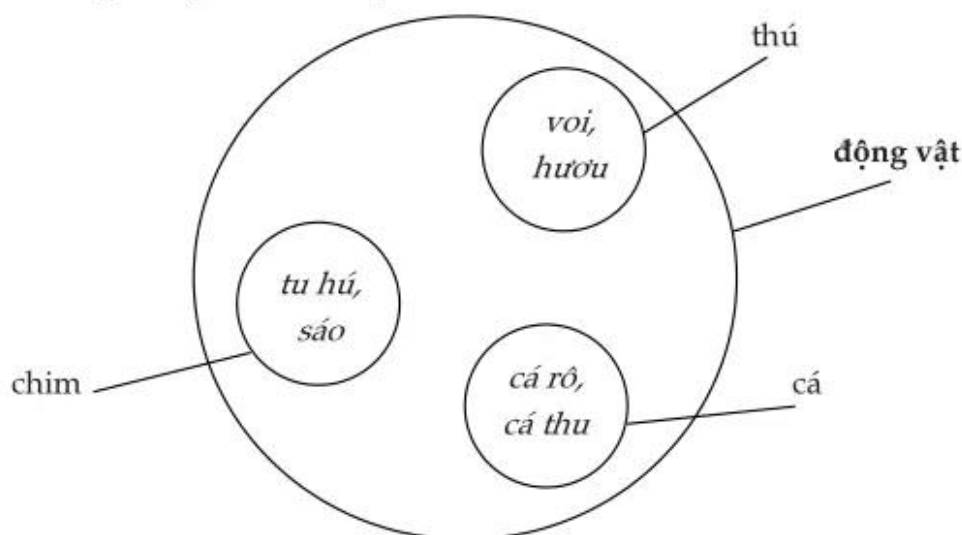
III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Giới thiệu bài.

GV nhắc lại mối quan hệ đồng nghĩa và trái nghĩa của từ ngữ đã học ở lớp 7 và giới thiệu chủ đề bài học mới : về các cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.

Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm.

GV cho HS quan sát sơ đồ trong SGK và gợi dẫn HS trả lời các câu hỏi. Những câu hỏi này không có gì khó đối với HS, càng không có gì khó đối với GV. Vì vậy, ở đây chúng tôi không đưa ra lời giải đáp đối với những câu hỏi này. Sau khi HS đã trả lời đúng các câu hỏi, GV có thể dùng loại sơ đồ vòng tròn để biểu diễn mối quan hệ bao hàm này.



Hoạt động 3. Tổng hợp kết quả phân tích.

Sau bước quan sát, GV gợi dẫn HS tổng kết lại ba điều kết luận đã được nêu ra ở phần *Ghi nhớ*.

Hoạt động 4. Hướng dẫn làm bài tập.

Tùy điều kiện thời gian, bài tập 5 có thể cho HS làm ở nhà.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. Làm theo mẫu.

Bài tập 2.

- a) Từ ngữ nghĩa rộng là *chất đốt*.
- b) Từ ngữ nghĩa rộng là *nghệ thuật*.
- c) Từ ngữ nghĩa rộng là *thức ăn*.
- d) Từ ngữ nghĩa rộng là *nhìn*.
- e) Từ ngữ nghĩa rộng là *đánh*.

Bài tập 3. Tìm từ ngữ có nghĩa hẹp của bốn từ đã cho không khó.

e) *mang* : *xách, khiêng, gánh,...*

Bài tập 4. Những từ ngữ sau không thuộc phạm vi nghĩa của nhóm :

- a) *thuốc Lào*
- b) *thủ quy*
- c) *bút điện*
- d) *hoa tai*.

Bài tập 5*.

– Động từ có nghĩa rộng : *khóc*.

– Động từ có nghĩa hẹp : *nức nở, sụt sùi*.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Hữu Châu, *Nhận xét về tính loại biệt và khái quát của từ vựng tiếng Việt*,
Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 4, 1970.